

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2020/HS-ST
Ngày: 15-9-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Hoàng Anh Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: **Đỗ Thị Láng**.

Bà: **Hoàng Thị Thào**.

- *Thư ký phiên toà:* Bà **Bào Kim Vân** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên toà:* Ông **Hoàng Văn Hòa** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2020/TLST-HS, ngày 01 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2020, đối với bị cáo:

Hoàng Văn S, sinh ngày 19/9/1999 tại huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi ĐKKTT và nơi ở hiện nay: Thôn C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Th và bà Triệu Thị H; Vợ, con: Chưa có; tiền án: 01 (Ngày 31/7/2018 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (Bản án số 30/2018/HS-ST)); tiền sự: Không. Nhân thân: Xấu. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2020 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Chị **Phương Thị T**, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn N, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Anh **Hoàng Văn Kh**, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Ch, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Hoàng Văn Ng, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn Ch, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Ông Hoàng Văn Th, sinh năm 1972. Có mặt.

Nơi cư trú: C, xã Đ, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

* *Người làm chứng:* Chị Sầm Thị L, sinh năm 1995. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 18/11/2019, Hoàng Văn Kh điều khiển xe máy BKS 97B1-647.xx, xe của ông Hoàng Văn Ng (bố đẻ Khiêm) chở Hoàng Văn S từ thôn C, xã Đ, huyện B đi thị trấn C để chơi điện tử, khi đến đoạn đèo thuộc thôn N, xã Q, huyện B thì phát hiện một xe mô tô nhãn hiệu Sirius dựng cạnh đường, không có người trông coi. Sau khi đi qua chiếc xe khoảng ba trăm mét thì S nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, S nói với Kh *“Thử quay lại chỗ chiếc xe vừa nãy xem trong cốp xe có gì không thì lấy”*, Kh trả lời *“Sợ có người nhà ở gần đấy nhìn thấy”*, S nói tiếp *“Không sợ đâu”* rồi Kh quay xe lại, khi gần đến vị trí chiếc xe thì Kh đi chậm lại để S nhảy xuống xe, còn Kh tiếp tục điều khiển xe đi về hướng xã Q, S đi đến gần cạnh chiếc xe thấy có một đoạn gậy tre dài khoảng 40 cm, S cầm lấy và chọc vào dưới yên xe cạy nâng yên xe lên, tay phải cầm giữ đoạn gậy, tay trái luồn vào trong cốp lục soát thì thấy một chiếc điện thoại S cầm lấy cất vào túi quần bên phải rồi tiếp tục lục soát thì thấy một chiếc ví S cho vào túi quần bên trái, lúc này Kh đi xe máy đến S ngồi lên xe rồi cả hai đi về hướng thị trấn C. Đi được một đoạn S lấy chiếc điện thoại ra giao cho Kh xem rồi S tháo ốp vỏ bằng nhựa vứt ra cạnh đường, sau đó mở máy thì thấy bị khóa màn hình không mở được. Khi đến tiểu khu 9, S lấy chiếc ví ra xem thấy bên trong không có tiền chỉ thấy nhiều loại giấy tờ tùy thân nên vứt chiếc ví cùng các loại giấy tờ ra cạnh đường, rồi đi đến cửa hàng điện thoại Duy Dũng tại tiểu khu x, thị trấn C. S đưa chiếc điện thoại cho Kh để vào cửa hàng mở khóa màn hình, còn S đợi ngoài cửa. Khiêm cầm chiếc điện thoại vào trong cửa hàng nói với Sầm Thị L là nhân viên cửa hàng, vừa nhặt được chiếc điện thoại, muốn mở khóa màn hình. Do đợi lâu nên Kh lấy lại chiếc điện thoại cùng chiếc sim tháo ra trước đó mang cất vào trong cốp xe máy và cùng S đi chơi điện tử. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì ra về, trên đường về S đã vứt chiếc điện thoại vào trước hiên cửa hàng điện thoại Duy Dũng, vì không mở được khóa màn hình thì cũng không bán được và vứt chiếc sim điện thoại tại khu vực tiểu khu z, thị trấn C, rồi cả hai đi về nhà S ngủ. Khoảng 18 giờ cùng ngày, khi về đến nhà Phương Thị T mở cốp xe thì phát hiện những tài sản trên đã bị mất. Đến ngày 19/11/2019, chị T trình báo sự việc đến Công an huyện B.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 31, 32/KL-HĐĐGTSTTTHS ngày 26/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, kết luận: 01 (một) ốp vỏ điện thoại làm bằng chất liệu nhựa, không nhãn mác, một phần màu nâu, một phần màu xanh nhạt, kích thước 15 cm x 08 cm có giá trị là 50.000^d (*Năm mươi nghìn đồng*); 01 (một) sim Viettel số thuê bao 0375916xxx có giá trị là 50.000^d (*Năm mươi nghìn đồng*), 01 (một) sim Viettel số thuê bao 0377572xxx có giá trị là 250.000^d (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*), 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, vỏ máy màu trắng bạc có giá trị là 1.213.500^d (*Một triệu hai trăm mười ba nghìn năm trăm đồng*).

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 89/KL-HĐĐGTSTTTHS ngày 14/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, kết luận: 01 (một) chiếc ví giả da màu đỏ, không nhãn mác, kích thước khoảng 20 cm x 10 cm có giá trị là 45.000^d (*Bốn mươi lăm nghìn đồng*).

Với hành vi trên, Bản Cáo trạng số: 17/CT-VKSBB ngày 31/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố bị cáo Hoàng Văn S về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Trước Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B duy trì quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo Hoàng Văn S theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn S phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S từ 06 đến 09 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Quá trình xác minh xác định bị cáo không có tài sản gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bổ đề của bị cáo là ông Hoàng Văn Th và anh Hoàng Văn Kh đã tự nguyện liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại Phương Thị T với tổng số tiền là 3.213.500^d (*Ba triệu hai trăm mười ba nghìn năm trăm đồng*), trong đó ông Th bồi thường số tiền là 2.607.500^d (*Hai triệu sáu trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng*), Khiêm bồi thường số tiền là 606.000^d (*Sáu trăm linh sáu nghìn đồng*), chị Phương Thị T đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Tại phiên tòa không ai có đề nghị bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bồi thường thiệt hại. Do đó về trách nhiệm dân sự đã thực hiện xong đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về vật chứng: Tại giai đoạn điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện B đã xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu toàn bộ án phí cho bị cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật và mức hình phạt mà Kiểm sát viên đã đề nghị trong bản luận tội. Trong phần tranh luận bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử cho hưởng hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; quyết định tố tụng được ban hành đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử những người tham gia tố tụng không ai khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị hại Phương Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn Kh, Hoàng Văn Ng vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) và người làm chứng Sầm Thị L vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra họ đã có lời khai đầy đủ sự vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của bị cáo Hoàng Văn S tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản sự việc, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và bản ảnh hiện trường; biên bản định giá tài sản và Kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Bản thân bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp.

Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của người khác là khách thể được pháp luật hình sự Việt Nam bảo

vệ mà còn làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản. Bị cáo nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý, bảo vệ tài sản để chiếm đoạt của chị Phương Thị T các tài sản với tổng trị giá là 1.608.500^d (*Một triệu sáu trăm linh tám nghìn năm trăm đồng*), cụ thể: 01 (một) ốp vỏ điện thoại làm bằng chất liệu nhựa, không nhãn mác, một phần màu nâu, một phần màu xanh nhạt, kích thước 15 cm x 08 cm có giá trị là 50.000^d (*Năm mươi nghìn đồng*); 01 (một) sim Viettel số thuê bao 0375916xxx có giá trị là 50.000^d (*Năm mươi nghìn đồng*), 01 (một) sim Viettel số thuê bao 0377572xxx có giá trị là 250.000^d (*Hai trăm năm mươi nghìn đồng*), 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7, vỏ máy màu trắng bạc có giá trị là 1.213.500^d (*Một triệu hai trăm mười ba nghìn năm trăm đồng*) và 01 (một) chiếc ví giả da màu đỏ, không nhãn mác, kích thước khoảng 20 cm x 10 cm có giá trị là 45.000^d (*Bốn mươi lăm nghìn đồng*). Tuy rằng số tiền bị cáo chiếm đoạt chưa đủ 2.000.000^d (*Hai triệu đồng*) nhưng trước đó, ngày 31/7/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (Bản án số 30/2018/HS-ST), đến thời điểm bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản lần này chưa được xóa án tích nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hoàng Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;...”

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự để truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cần xử lý bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân, tiền án, tiền sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo có 01 tiền án (Ngày 31/7/2018 bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” (Bản án số 30/2018/HS-ST));

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại*”, “*Gây thiệt hại không lớn*” và “*Thành khẩn khai báo*” đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự của địa phương, hành vi của bị cáo khiến quần chúng nhân dân bất bình lên án. Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện, có ích cho xã hội. Tuy nhiên, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Cơ quan Điều tra công an huyện B đã tiến hành xác minh thể hiện bị cáo không có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản gì nên không cần thiết phải có hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Trong quá trình điều tra bị hại là chị Phương Thị T yêu cầu bị cáo và anh Hoàng Văn Kh bồi thường giá trị chiếc điện thoại mà bị cáo và Kh trộm cắp với số tiền là 1.213.500^d (*Một triệu hai trăm mười ba nghìn năm trăm đồng*), bồi thường chi phí mà chị T đã bỏ ra để làm lại các giấy tờ tùy thân mất cùng chiếc ví mà Hoàng Văn S đã trộm cắp là 2.000.000^d (*Hai triệu đồng*), tổng số tiền là 3.213.500^d (*Ba triệu hai trăm mười ba nghìn năm trăm đồng*). Bị cáo đã tác động cho bố đẻ của bị cáo là ông Hoàng Văn Th cùng với anh Hoàng Văn Kh liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại Phương Thị T với tổng số tiền là 3.213.500^d (*Ba triệu hai trăm mười ba nghìn năm trăm đồng*), trong đó ông Th bồi thường số tiền là 2.607.500^d (*Hai triệu sáu trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng*), Khiêm bồi thường số tiền là 606.000^d (*Sáu trăm linh sáu nghìn đồng*), chị Phương Thị T đã nhận đủ số tiền trên và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ông Hoàng Văn Th không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Tại phiên tòa không ai có đề nghị bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bồi thường thiệt hại. Do đó về trách nhiệm dân sự đã thực hiện xong nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về vật chứng:*

* Vật chứng của vụ án không thu giữ được gồm có: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 vỏ máy màu trắng bạc; 01 (một) ví giả da màu đỏ bên trong có một chứng minh thư nhân dân, một giấy phép lái xe mô tô, một bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự đều mang tên Phương Thị T và một giấy đăng ký xe máy BKS 20L6-69xx; 02 (hai) sim điện thoại; 01 (một) đoạn gậy tre dài khoảng 40 cm Hoàng Văn S dùng để cạy cốp xe.

Các vật chứng, tài sản trên đều không thu giữ được nên không có căn cứ để xử lý.

* Vật chứng của vụ án thu giữ được gồm có: 01 (một) ốp vỏ điện thoại chủ sở hữu là chị Phương Thị T. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra công an huyện B đã trả lại tài sản cho chị T theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về các vấn đề khác:* Trong vụ án này có Hoàng Văn Kh là người cùng với bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, Hoàng Văn Kh có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự nên hành vi của Kh không cấu thành tội phạm. Do vậy, Cơ quan điều tra chuyển xử lý đối với Kh bằng biện pháp khác là có căn cứ. Đối với ông Hoàng Văn Ng là chủ sở hữu của chiếc xe máy nhãn hiệu Wave α BKS 97B1-64734 (hiện nay ông Ng vẫn đang quản lý), chiếc xe này Hoàng Văn Kh chở bị cáo Hoàng Văn S đi để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, việc Kh tự ý lấy xe máy để đi ông Ng không biết nên không có căn cứ để xử lý.

[7] *Về án phí:* Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo.

1 - Tuyên bố: Bị cáo Hoàng Văn S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 09 (*Chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/6/2020.

2 - Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn S phải chịu 200.000^d (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3 - Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn Th, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Phương Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hoàng Văn Kh, Hoàng Văn Ng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND tỉnh Bắc Kạn; (1)
- VKSND huyện B (2);
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (1)
- Người có QL, NVLQ; (1)
- Chi cục THADS huyện B; (1)
- Công an huyện B; (2)
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Kạn; (1)
- THAHS; (1)
- Lưu hồ sơ vụ án; (1)
- Lưu Văn phòng. (1)

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Anh Tuấn